

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/HNGĐ-ST.

Ngày 28/9/2017.

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG, TỈNH LÀO CAI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Bùi Ngọc Thanh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Trung Dũng;

2. Bà Triệu Thị Pháy.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Trần Bình Trọng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà:* Bà Dương Thị Mai Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2017/TLST – HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn G sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

3. *Người làm chứng:*

+ Chị Trần Thị Liễu T - Sinh năm 1988;

+ Chị Trần Thị M - Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Cùng trú tại Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 7 năm 2016 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà Trần Thị T và ông Trần Văn G tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 1987, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, cùng chung sống tại Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai từ đó cho đến nay, nhưng bà Trần Thị T và ông Trần Văn G vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của Pháp luật. Quá trình chung sống từ cuối

năm 1987 đến nay, tình cảm giữa bà Trần Thị T và ông Trần Văn G chỉ thật sự hạnh phúc được khoảng 05 năm đầu. Từ năm 1992 ông Trần Văn G phạm tội đã bị Tòa án xử phạt tù. Đến năm 2000 chấp hành hình phạt tù ông Trần Văn G trở về địa phương tiếp tục chung sống cùng bà Trần Thị T, nhưng bà Trần Thị T và ông Trần Văn G thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Trần Văn G mãi chơi, không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình để tạo dựng cuộc sống chung mà thường xuyên có hành vi xúc phạm, đánh đập bà Trần Thị T. Sự việc mâu thuẫn trong gia đình, bà Trần Thị T đã trao đổi với ông Trần Văn G nhiều lần nhưng ông Trần Văn G không thay đổi. Bà Trần Thị T luôn phải nhẫn nhịn trong cuộc sống, thời gian gần đây ông Trần Văn G thường xuyên uống rượu say về nhà gây sự chửi bới, đánh đập, dùng dây trói và dùng dao đuổi đánh bà Trần Thị T. Đến nay bà Trần Thị T nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, bà Trần Thị T không thể tiếp tục chung sống với ông Trần Văn G được nữa, nên bà Trần Thị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Trần Văn G.

Về con chung: Quá trình chung sống đến nay bà Trần Thị T và ông Trần Văn G có 02 con chung là cháu Trần Thị Liễu T - Sinh ngày 16/6/1988 và cháu Trần Thị M - Sinh ngày 08/4/1991. Hiện cả hai cháu đã trưởng thành, khỏe mạnh phát triển bình thường và đã tạo lập cuộc sống riêng nên bà Trần Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống bà Trần Thị T và ông Trần Văn G có tạo dựng được một số tài sản chung, nhưng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ. Khi ly hôn bà Trần Thị T tự thỏa thuận với ông Trần Văn G, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai của bị đơn ông Trần Văn G trình bày: Về quan hệ hôn nhân ông Trần Văn G thừa nhận đã tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng với bà Trần Thị T từ cuối năm 1987 và không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của Pháp luật, nhưng có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Hiện ông Trần Văn G và bà Trần Thị T đang chung sống tại Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Trong quá trình chung sống với bà Trần Thị T từ năm 1987 đến nay vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn khoảng 4 đến 5 lần ông Trần Văn G có đánh bà Trần Thị T. Sự việc mâu thuẫn giữa ông Trần Văn G và bà Trần Thị T đã được đại diện của thôn đến hòa giải 01 lần, theo ông Trần Văn G vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn với nhau tính đến nay đã 24 năm, do bất đồng quan điểm sống. Nhưng ông Trần Văn G nhận thấy vẫn còn tình cảm với bà Trần Thị T, nên ông không nhất trí ly hôn. Nếu bà Trần Thị T cương quyết xin ly hôn, ông Trần Văn G đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật.

Về con chung: Ông Trần Văn G thừa nhận ông và bà Trần Thị T có 02 con chung là cháu Trần Thị Liễu T - Sinh ngày 16/6/1988 và cháu Trần Thị M - Sinh ngày 08/4/1991 cả hai cháu đã trưởng thành, nên khi ly hôn ông Trần Văn G không đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông Trần Văn G xác định, khi ly hôn ông không đề nghị Tòa án giải quyết về phần tài sản chung.

Tại phiên toà, nguyên đơn bà Trần Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử, giải quyết cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Trần Văn G. Ngoài ra bà Trần Thị T không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng tại phiên toà là đúng theo các quy định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật định; không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử; Viện kiểm sát nghiên cứu hồ sơ đảm bảo đúng pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1, Điều 9; Khoản 1, Điều 14; Khoản 2, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố không công nhận bà Trần Thị T và ông Trần Văn G là vợ chồng.

Tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn G đã được Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có yêu cầu phản tố. Căn cứ vào Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hôn nhân:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên toà đã xác định: Bà Trần Thị T và ông Trần Văn G tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 1987 có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Bà Trần Thị T và ông Trần Văn G đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Quá trình chung sống như vợ chồng từ cuối năm 1987 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của Pháp luật.

Bà Trần Thị T và ông Trần Văn G thừa nhận quá trình chung sống bà Trần Thị T và ông Trần Văn G chỉ sống hạnh phúc được khoảng 05 năm, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do do bất đồng quan điểm sống, ông Trần Văn G thường xuyên có hành vi xuyên xúc phạm, đánh đập bà Trần

Thị T, nên bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Trần Văn G.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân của bà Trần Thị T và ông Trần Văn G, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa, bà Trần Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn G. Tuy nhiên, hôn nhân giữa bà Trần Thị T và ông Trần Văn G là hôn nhân không hợp pháp, chung sống với nhau không được cơ quan có thẩm quyền đăng ký là trái quy định tại điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hôn nhân không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó cần tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà Trần Thị T và ông Trần Văn G là phù hợp với khoản 2, điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Quá trình chung sống, ông Trần Văn G và bà Trần Thị T thừa nhận có 02 con chung là cháu Trần Thị Liễu T - Sinh ngày 16/6/1988 và cháu Trần Thị M - Sinh ngày 08/4/1991. Hai con chung đã trưởng thành và đã tạo lập cuộc sống riêng, nên khi ly hôn ông Trần Văn G và bà Trần Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Ông Trần Văn G và bà Trần Thị T thừa nhận, quá trình chung sống có tạo dựng được một số tài sản chung, nhưng không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ. Ông Trần Văn G và bà Trần Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1, Điều 9; Khoản 1, Điều 14; Khoản 2, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận bà Trần Thị T và ông Trần Văn G là vợ chồng.

2. *Về án phí*: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm ly hôn. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007286 ngày 13 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn bà Trần Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn ông Trần Văn G có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Bùi Ngọc Thanh